

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục, năm học 2023-2024

TT	Nội dung	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Tên chương trình giáo dục mầm non thực hiện	Triển khai và chỉ đạo việc thực hiện theo Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 về ban hành chương trình giáo dục mầm non của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	
II	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được		
1	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	<ul style="list-style-type: none">- Duy trì 100% trẻ được ăn bán trú tại trường- Khẩu phần dinh dưỡng dự kiến đạt 600-651 calo/ngày	<ul style="list-style-type: none">- Duy trì 100% trẻ được ăn bán trú tại trường- Khẩu phần dinh dưỡng dự kiến đạt 615-726 calo/ngày
2	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	<ul style="list-style-type: none">- 100% trẻ được theo dõi về sức khỏe. Khám sức khỏe 01 lần/năm- Đạt 90% - 95% trẻ có kênh bình thường theo biểu đồ cân nặng.- Đạt 90% trẻ có kênh bình thường tính theo biểu đồ chiều cao	<ul style="list-style-type: none">- 100% trẻ được theo dõi về sức khỏe. Khám sức khỏe 01 lần/năm- Đạt 95% - 97% trẻ có kênh bình thường theo biểu đồ cân nặng.- Đạt 95% - 97% trẻ có kênh bình thường tính theo biểu đồ chiều cao
3	Chất lượng giáo dục trẻ	<ul style="list-style-type: none">- Giúp 83% trẻ phát triển tốt về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội.- Hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng.	<ul style="list-style-type: none">- Giúp 85% trẻ phát triển tốt về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội, thẩm mỹ.- Hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng- Giáo dục những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những

TT	Nội dung	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		Nhà trẻ	Mẫu giáo
			khả năng ẩn nhằm giúp trẻ có nền tảng tốt để chuẩn bị cho các lớp học tiếp theo.
IV	Các hoạt động hỗ trợ nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở GDMN(nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cơ sở vật chất bán trú để đảm bảo công tác chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng trẻ đạt tốt. - Trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi các nhóm lớp, các đồ chơi phát triển vận động... để đảm bảo tốt hoạt động vui chơi và học tập cho trẻ. - Cải tạo sân chơi, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp. - Thực hiện kết nối mạng Wifi toàn trường, tạo điều kiện cho việc thông tin, báo cáo, quản lý hoạt động giảng dạy kịp thời. 	

Kiên An, ngày 07 tháng 9 năm 2023



LIÊU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Thủy

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	22	
II	Loại phòng học	13	
1	Phòng học kiên cố	9	
2	Phòng học bán kiên cố	4	
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	2	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2101,36m²	5,54 m²/trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	350 m²	0,92 m²/trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	m²	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (kết hợp làm phòng ngủ)	650 m ²	1,78 m ² /trẻ
2	Diện tích phòng vệ sinh	130 m ²	0,36 m ² /trẻ
3	Diện tích hiên chơi	65 m ²	0,18 m ² /trẻ
4	Diện tích nhà bếp và kho	85 m ²	
5	Diện tích phòng hành chính	16 m ²	
6	Tổng diện tích phòng BGH	50 m ²	
7	Diện tích phòng y tế	16 m ²	
8	Diện tích phòng Hội trường	60 m ²	
9	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật	60 m ²	
10	Diện tích phòng giáo dục thể chất	0 m ²	
11	Diện tích phòng Tin học + Ngoại ngữ	0 m ²	
12	Diện tích phòng nhân viên	0 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	125	
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	125	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	10	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	19	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Máy vi tính	18	
2	Máy in	12	
3	Máy chiếu	01	
4	Máy ảnh kỹ thuật số	0	
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác	305	

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	10m ²	90m ²		0,34 m ²	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh					

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	

Kiến An, ngày 07 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thủy

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	40			20	8	4	8		25	3	18	10	0	0
I	Giáo viên	25			17	8			24	1	15	10			
1	Nhà trẻ	4			3	1			4		1	3			
2	Mẫu giáo	21			14	7			20	1	14	7			
II	Cán bộ quản lý	3			3				1	2	3				
1	Hiệu trưởng	1			1					1	1				
2	Phó hiệu trưởng	2			2				1	1	2				
III	Nhân viên	12					4	8							
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1					1								
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên khác	11					3	8							
	Nấu ăn	7					3	4							
	Bảo vệ	2						2							
	Lao công	1						1							

Kiến An, ngày 07 tháng 9 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thủy

THÔNG BÁO

Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2023-2024 và năm tiếp theo

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Tháng 6/2023	Phó hiệu trưởng	1	Tư vấn tâm lý giáo dục	Tập trung	
2	Tháng 8/2023	PHT, nhân viên	2	Y tế học đường	Tập trung	
3	Tháng 8/2023	Hiệu trưởng, PHT, TTCM	8	Chuyên môn GDMN	Tập trung	
4	Tháng 8/2023	PHT, nhân viên	2	Cơ sở dữ liệu ngành	Tập trung	

Kiên An, ngày 07 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thủy
Nguyễn Thị Thủy

Kiến An, ngày 04 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO
QUYẾT TOÁN CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2022-2023
(Từ ngày 01/6/2023 đến ngày 07/09/2023)

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 61/2017/TT -BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT -BTC ngày 15/6/2017.

Thực hiện Công văn số 551/SGDDĐT-TTr ngày 17/03/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng v/v hướng dẫn thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục.

Trường Mầm non Bắc Sơn thông báo quyết toán thu – chi các khoản thu năm học 2022-2023 như sau:

I. MỨC THU:

TT	Tên quỹ	Mức thu	Thời gian thực hiện thu	Thời gian tính số liệu theo NH
1	Quản lý trẻ trong hè	800.000 đồng/trẻ/tháng	Từ T6/2023-T8/2023	Từ T6/2023-T8/2023
2	Tiền ăn bán trú	23.000 đồng/ngày/trẻ	Từ T6/2023-T8/2023	Từ T6/2023-T8/2023
3	Tiền chất đốt bán trú	2.000 đồng/ngày/trẻ	Từ T6/2023-T8/2023	Từ T6/2023-T8/2023

II. QUYẾT TOÁN CÁC KHOẢN THU

TT	Nguồn kinh phí	Số dư đầu kỳ	Số thu	Số chi	Số dư cuối kỳ
1	Học phí (NS cấp)	190.528.000	383.467.000	190.528.000	383.467.000
2	Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính	12.307.400	0	12.307.400	0
3	Hỗ trợ người nấu ăn, công tác quản lý ăn	6.529.800	0	6.618.120	-88.320
4	Học ngày thứ 7	2.425.000	0	2.425.000	0

TT	Nguồn kinh phí	Số dư đầu kỳ	Số thu	Số chi	Số dư cuối kỳ
5	Quản lý trẻ trong hè		583.200.000	583.200.000	0
6	Tiền ăn bán trú	162.104.000	336.329.000	340.651.800	157.781.200
7	Tiền chất đốt bán trú	14.096.000	29.246.000	41.526.000	1.816.000
	Tổng cộng	387.990.200	1.332.242.000	1.177.256.320	542.975.880

Trên đây là Thông báo quyết toán các khoản thu năm học 2022-2023 của trường Mầm non Bắc Sơn.

Nơi nhận:

- PHHS;
- Lưu: Hồ sơ công khai.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thủy